

Bản án số: 1057/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 11 - 2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ

2. Bà Nguyễn Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 201/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thăng L, sinh năm 1965

Hộ khẩu thường trú: Số 125/11D đường O, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Cư trú: Số 835/38A đường Z, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Cẩm T, sinh năm 1965

Hộ khẩu thường trú: Số 613 đường R, Phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Cư trú: Số 125/11D đường O, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hải V; sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 37 đường Trần Quý Khoách, phường J, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh – Luật sư Công ty Luật F - Thuộc Đoàn luật sư tỉnh S.

(Ông Trần Thăng L và ông Nguyễn Hải V có mặt; Bà Huỳnh Thị Cẩm T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nguyên đơn ông Trần Thăng L trình bày: Ông L và bà Huỳnh Thị Cẩm T tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 4/1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyền số ngày 29/4/1998).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016 mâu thuẫn phát sinh vì đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong mọi lĩnh vực, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau không tìm được tiếng nói chung, làm cho đời sống hôn nhân luôn luôn căng thẳng, ngột ngạt và đã ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay. Dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên nhủ, cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L Trần Thăng L yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị Cẩm T.

Về nuôi con chung: Ông L xác định vợ chồng có 01 (một) con chung tên Trần Thái V, sinh ngày 10/4/2003. Ngoài ra, vợ chồng không còn con chung, con nuôi nào khác. Ông L yêu cầu giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông L tự xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Trần Thăng L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng); Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 20 (dương lịch) hàng tháng; bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 20/12/2020 cho đến khi con chung thành niên. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Vợ chồng không có khoản nợ chung nào, còn bà T có nợ ai thì ông không biết, ông không ký tên, lúc vay tiền bà T cũng không thông báo cho ông.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị Cẩm T trình bày: Vào năm 1998 bà T kết hôn với ông Trần Thăng L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, bà T về làm việc, chung sống với ông L, cùng kinh doanh buôn bán và gây dựng nên cơ sở

vật chất tài sản chung. Chúng tôi có 01 (một) con chung tên Trần Thái V, sinh ngày 10/4/2003.

Vào năm 2015 bà T phát hiện ông L ngoại tình công khai. Sau khi nhờ cha mẹ, anh em khuyên nhủ ông L vẫn chứng nào tật nấy, thậm chí nhiều lần đánh đập, uy hiếp tinh thần bà T làm bà T bị hoảng loạn tâm trí, dẫn đến mất ngủ triền miên, sốc tâm thần trong một thời gian dài. Sau đó ông L dành hết tất cả tài sản Công ty, bà T phải ra ngoài sống nương tựa vào các anh chị. Nay ông L nộp đơn ly hôn bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Chúng tôi có 01 (một) con chung tên Trần Thái V, sinh ngày 10/4/2003. Hiện con đang ở với bà T. Yêu cầu ông L phải cấp dưỡng cho con cho đến khi học xong đại học.

Về tài sản chung: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng pháp luật.

Về nợ chung: Căn nhà bà T đang ở là tài sản chung, khi về ở bà T vay tiền để xây và hiện nay vẫn còn đang nợ một số tiền và đang được Tòa thụ lý, cùng nợ ngoài không có văn bản công chứng (chỉ dựa trên tình cảm mà cho vay).

Ngày 03/11/2020 Tòa án đã nhận được đơn đề ngày 30/10/2020 của bà T về việc giải quyết nợ, cấp dưỡng cho con và giải trình việc cung cấp tài liệu chứng cứ. Theo đó bà T yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ chung, triệu tập các chủ nợ vào tham gia tố tụng trong vụ án này và cấp dưỡng nuôi con cho phù hợp. Kèm theo đơn là bản photo các Thông báo về việc thụ lý vụ án số 538/TB-TA ngày 24/12/2018 của Tòa án nhân dân Quận D; Thông báo về việc thụ lý vụ án số 540/TB-TA ngày 24/12/2018 của Tòa án nhân dân Quận D; Hợp đồng vay tiền ngày 17/01/2017; Phiếu xác nhận chi phí.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cung cấp cho Tòa án Đơn xin hoãn phiên tòa đề ngày 23/11/2020 vì lý do bà T bị chấn thương cổ tay phải sưng nề không thể tham gia phiên tòa và đơn yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 14.000.000 đồng, cấp dưỡng một lần theo phán quyết của Tòa án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Hải V trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Thăng L; Công nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng), Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 20 (dương lịch) hàng tháng; bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 20/12/2020 cho đến khi con chung thành niên; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân trong vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Cẩm T đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Xét Tòa án đã triệu tập họp lệ bà T đến lần thứ ba để tham gia phiên tòa nhưng bà T vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cung cấp cho Tòa án Đơn xin hoãn phiên tòa đề ngày 23/11/2020 vì lý do bà T bị chấn thương cổ tay phải sưng nề không thể tham gia phiên tòa nhưng đây không phải là lý sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thăng L thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn cư trú Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét thấy, ông Trần Thăng L và bà Huỳnh Thị Cẩm T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53, ngày 29/4/1998 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Xét yêu cầu của ông L xin được ly hôn với bà Huỳnh Thị Cẩm T do đời sống chung không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong mọi lĩnh vực, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau không tìm được tiếng nói chung, làm cho đời sống hôn nhân luôn luôn căng thẳng, ngột ngạt và đã ly thân từ tháng 5/2016 cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T đến Tòa để làm rõ tình trạng hôn nhân và tạo điều kiện cho vợ chồng hòa giải, đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng bà T vắng mặt và bà cũng không có mặt tại phiên tòa xét xử, điều này thể hiện bà T không còn tha thiết đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng đã không còn,

mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh trầm trọng trong một thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, tại bản tự khai đề ngày 05/5/2020 bà T đã thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với ông L. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông L là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về nuôi con chung: Đương sự cùng xác định vợ chồng 01 (một) con chung tên Trần Thái V, sinh ngày 10/4/2003. Ngoài ra, không còn con chung, con nuôi nào khác.

Xét nguyện vọng của trẻ Trần Thái V như sau: “Do ba mẹ ly hôn không sống chung với nhau nữa. Nay tôi muốn ở với mẹ tôi là Huỳnh Thị Cẩm T”. Đồng thời, ông L và bà T thống nhất giao con chung cho bà Huỳnh Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, việc giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi con là có căn cứ phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Trần Thăng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông L phải cấp dưỡng 14.000.000 đồng mỗi tháng, cấp dưỡng một lần cho con cho đến khi học xong đại học. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 110 của Luật hôn nhân và Gia đình “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”. Đồng thời, ông L chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mà không đồng ý cấp dưỡng nuôi con một lần. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ông L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung thành niên. Buộc ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng); Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 20 (đương lịch) hàng tháng; bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 20/12/2020 cho đến khi con chung thành niên. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3.4] Về tài sản chung: Ông L xác định hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng pháp luật. Tuy nhiên, yêu cầu chia tài sản chung của bà T phải đưa ra trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu chia tài sản chung của bà T. Nếu sau khi ly hôn hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Ông L tự xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn bà T có nợ ai hay không thì ông không biết, ông không ký tên, lúc vay tiền bà T cũng không thông báo cho ông; Bị đơn cho rằng vợ chồng có nợ chung và đang được Tòa thụ lý giải quyết, cùng nợ ngoài không có văn bản công chứng. Ngày 13/8/2020 Tòa án nhân dân Quận D đã ban hành quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 52/2020/QĐ-

CCTLCC yêu cầu bà T chứng minh về khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Bà T cũng không chứng minh được các khoản nợ chung là khoản nợ phát sinh từ giao dịch do hai vợ chồng cùng thỏa thuận, xác lập hoặc do bà T thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung... theo quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và Gia đình. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét nợ chung của vợ chồng trong cùng vụ án. Nếu cơ quan, tổ chức, cá nhân cho rằng quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm có liên quan đến các khoản nợ chung của bà T, ông L thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác hoặc nếu Tòa án đang giải quyết vụ án có liên quan đến các khoản nợ chung đó thì tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc giải quyết vụ án này không làm ảnh hưởng đến các vụ án đó. Do vậy, Hội đồng xét xử cũng không chấp nhận yêu cầu triệu tập các chủ nợ vào tham gia tố tụng trong vụ án này của bà T.

[5] Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Về hôn nhân và nợ chung như đã phân tích trên là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[6] Xét, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp ly hôn và cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Nghị

quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của ông Trần Thăng L.

Về hôn nhân: Ông Trần Thăng L được ly hôn bà Huỳnh Thị Cẩm T. (Giấy chứng nhận kết hôn số 53 do Ủy ban nhân Phường N, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/4/1998 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

Về nuôi con chung: Giao 01 (một) con chung Trần Thái V, sinh ngày 10/4/2003 cho bà bà Huỳnh Thị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Thăng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng); Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 20 (đương lịch) hàng tháng; bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 20/12/2020 cho đến khi con chung thành niên. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Trần Thăng L phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/ 00012960 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận D. Ông L còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện

không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận D;
- Chi cục THADS Quận D;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Tiến